BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

09/06/2021

Tổng quan thị trường

08/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	**1,319.88**	**-2.86%**	**1,438.97**	**-3.04%**	**306.39**	**-3.84%**
Cuối tuần trước	1,374.05	-3.94%	1,508.35	-4.60%	329.76	-7.09%
Trung bình 20 ngày	1,312.17	0.59%	1,439.47	-0.03%	308.50	-0.69%
Tổng KLGD (triệu cp)	**924.51**	**5.45%**	**341.93**	**8.79%**	**237.86**	**4.57%**
KLGD khớp lệnh	**874.57**	**4.10%**	**328.47**	**6.02%**	**222.24**	**-0.83%**
Trung bình 20 ngày	722.81	21.00%	275.38	19.28%	160.90	38.12%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	**30,296.56**	**4.75%**	**17,481.88**	**7.73%**	**5,690.31**	**2.35%**
GTGD khớp lệnh	**28,127.37**	**2.14%**	**16,735.38**	**5.03%**	**5,274.50**	**-3.39%**
Trung bình 20 ngày	23,023.51	22.17%	13,620.46	22.87%	3,690.79	42.91%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	94	21%	4	13%	70	19%
Số mã giảm	321	71%	26	87%	154	42%
Số mã đứng giá	40	9%	0	0%	145	39%

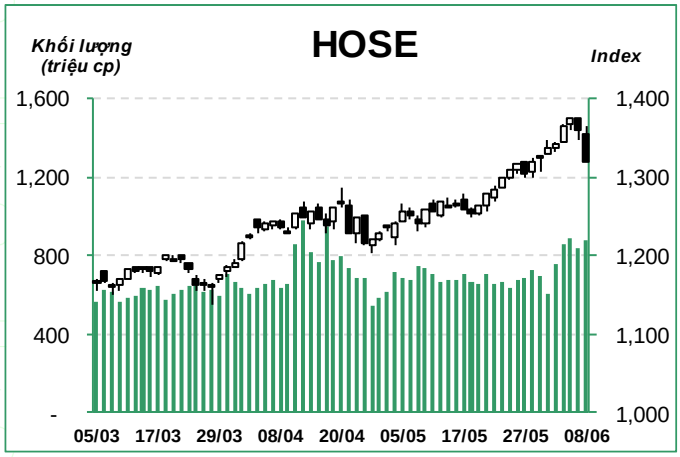

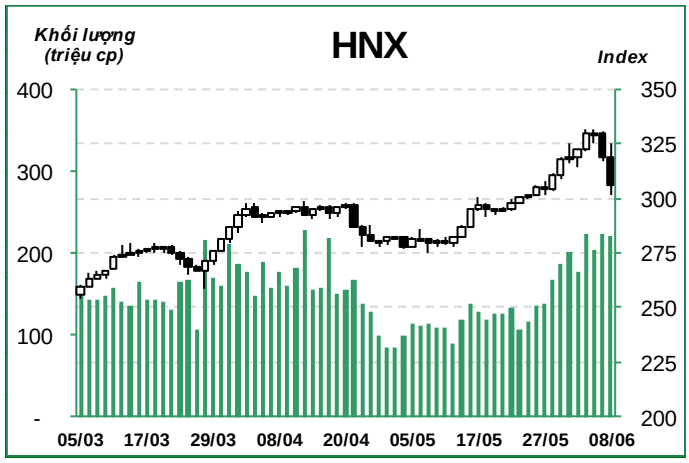

Thị trường có phiên giảm mạnh thứ 2 liên tiếp với áp lực gia tăng trên diện rộng. Đặc biệt là các cổ phiếu vốn hóa lớn bị chốt lời hàng loạt cùng với thanh khoản ở mức cao cho thấy tín hiệu thị trường đang bước vào nhịp đảo chiều ngắn hạn sau khoảng thời gian tăng hưng phấn trước đó.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa giảm sâu xuống mức 1,319.88 điểm (-2.86%). KLGD khớp lệnh đạt 874.6 triệu cổ phiếu (+4.1%), tương đương 28,127 tỷ đồng giá trị (+2.1%). Độ rộng thị trường ghi nhận sự áp đảo hoàn toàn của bên bán với 321 mã giảm/94 mã tăng.

Hầu hết các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trên sàn đều bị bán tháo mạnh. Trong đó, những cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến đà giảm của chỉ số là Hòa Phát-HPG (-5.1%), Vietinbank-CTG (-5.8%), Vietcombank-VCB (-2.9%) và Vingroup-VIC (-2.6%). Trong khi đó, nhóm hàng không bất ngờ có diễn biến đi ngược thị trường khi bộ đôi Vietjet Air-VJC (+4.8%), Vietnam Airline-HVN (+1.9%) đồng loạt khởi sắc. Ngoài ra, nhóm cổ phiếu ngành dược với Dược Hậu Giang-DHG (+2.4%), Dược Domesco -DMC (+4.5%) và nhóm cấp nước với Nước - Môi trường Bình Dương-BWE (+1.4%), Nước Thủ Dầu Một-TDM (+3.0%) cũng là những nhóm ngành hiếm hoi đóng cửa trên tham chiếu.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HoSE xuống còn 359.6 tỷ đồng (-44.7%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Đất Xanh-DXG (-216.7 tỷ), Hòa Phát-HPG (-204.3 tỷ), Vingroup-VIC (-151.7 tỷ). Trong khi đó, bộ ba Petrolimex-PLX (+133.8 tỷ), Vincom Retail-VRE (+106.5 tỷ), NH Phương Đông-OCB (+90.9 tỷ) tiếp tục được khối ngoại gom mua mạnh trong những phiên gần đây.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng giảm mạnh và đóng cửa tại mức 306.39 điểm (-3.84%). KLGD khớp lệnh đạt 222.2

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
	HOSE	
TCB	5,494.1	272.31
LPB	7,461.0	218.60
FPT	1,400.0	123.76
KDC	1,885.0	111.22
HPG	1,888.3	94.56
EIB	2,512.0	78.12
KDH	1,800.0	70.20
SHI	2,291.0	64.93
ASM	4,088.0	57.32
NLG	1,543.4	55.87
	HNX	
VND	4,295.0	220.33
CEO	4,060.0	44.25
IDC	998.0	38.81
TAR	2,050.0	37.11
PMC	268.1	20.11
BAB	750.0	19.13
VMC	630.0	7.31
HUT	1,000.1	6.80
NVB	235.0	4.47
SHN	487.8	4.00

triệu cổ phiếu (-0.8%), tương đương 5,274.5 tỷ đồng giá trị (-3.4%).

Áp lực bán mạnh cũng lan tỏa đến khá nhiều cổ phiếu trụ cột trên sàn HNX. Bên cạnh các cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán tiếp tục điều chỉnh sâu thì nhóm dầu khí cũng đã có xác nhận tín hiệu đảo chiều khá tiêu cực trong phiên hôm nay với hàng loạt cổ phiếu giảm sàn như Dầu khí PTSC-PVS (-10.0%), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-9.5%), Bọc ống Dầu khí-PVB (-9.7%). Ở chiều ngược lại, chỉ một vài cổ phiếu đơn lẻ có tín hiệu hút tiền như Cảng Hải Phòng-PHP (+8.8%), Than Núi Béo-NBC (+9.3%), Đầu tư Thành Đạt-DTD (+3.3%).

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trở lại trên sàn HNX, đạt giá trị 3.9 tỷ đồng. Dẫn đầu danh sách mua ròng của khối ngoại lần lượt là Hóa dầu Petrolimex-PLC (+2.6 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.3 tỷ), Thaiholdings-THD (+2.3 tỷ). Trong khi đó, Chứng khoán VNDIRECT-VND (-6.5 tỷ), Vicostone-VCS (-0.5 tỷ), Gạch ngói Mỹ Xuân-GMX (-0.4 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch tăng cao và ở trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực chốt lời có phần áp đảo. Mặc dù chỉ số vẫn giữ được đóng cửa trên MA20 cho thấy chỉ số đang trong xu hướng tăng ngắn hạn nhưng với nến giảm cô đặc của phiên vừa qua cho thấy áp lực điều chỉnh có thể chưa kết thúc. Thêm vào đó, các chỉ báo MACD và RSI đang hướng xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể chịu sức ép suy giảm về quanh khu vực hỗ trợ xu hướng, tương đương vùng 1,300 – 1,305 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp với mô hình nến đảo chiều Evening Star cho thấy rủi ro đang tăng cao. Trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được vùng hỗ trợ xu hướng quanh 300 – 305 điểm (MA20) thì chỉ số có thể chịu sức ép suy giảm về vùng 280 điểm (vùng đáy của tháng 5). Nhìn chung, thị trường có thể vẫn chịu áp lực điều chỉnh. Do đó, nhà đầu tư nên giữ danh mục ở tỷ trọng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro từ các nhịp rũ bỏ mạnh của thị trường.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
FUCTVGF2	13.0	20.3	7.0%
CLW	30.0	7.3	7.0%
FTM	3.4	1,960.7	6.9%
VMD	34.0	33.4	6.9%
MDG	12.5	0.6	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
SMA	9.3	0.2	-7.0%
FTS	27.3	603.4	-7.0%
NKG	31.5	5,429.2	-7.0%
LBM	54.9	3.6	-6.9%
HAX	22.8	813.3	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	71.5	3,651.3	-0.7%
HPG	50.0	2,074.7	-5.1%
TCB	49.5	1,564.0	-5.5%
STB	28.6	1,419.8	-6.8%
MBB	37.3	1,172.7	-6.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	71.5	51,463.1	-0.7%
STB	28.6	47,697.6	-6.8%
HPG	50.0	40,374.6	-5.1%
TCB	49.5	30,789.1	-5.5%
MBB	37.3	30,434.6	-6.2%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
GMX	36.3	32.2	10.0%
PBP	8.8	6.8	10.0%
ECI	32.1	0.4	9.9%
DNC	58.3	0.1	9.8%
PPE	14.6	0.1	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	27.0	31,261.8	-10.0%
AAV	16.2	1,032.1	-10.0%
ADC	24.3	0.1	-10.0%
BSI	18.2	2,697.7	-9.9%
THS	21.9	0.2	-9.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.0	1,566.7	-3.3%
PVS	27.0	879.1	-10.0%
SHS	34.1	602.3	-9.1%
VND	52.4	541.7	-8.1%
IDC	37.8	313.9	-4.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.0	53,769.5	-3.3%
PVS	27.0	31,261.8	-10.0%
SHS	34.1	16,633.0	-9.1%
NVB	19.3	11,312.3	-4.5%
CEO	10.2	10,457.3	-9.7%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,814.1	6.0%	2,173.7	7.2%	-359.6
HNX	31.8	0.6%	27.9	0.5%	3.9
Tổng số	**1,846.0**		**2,201.7**		**-355.7**

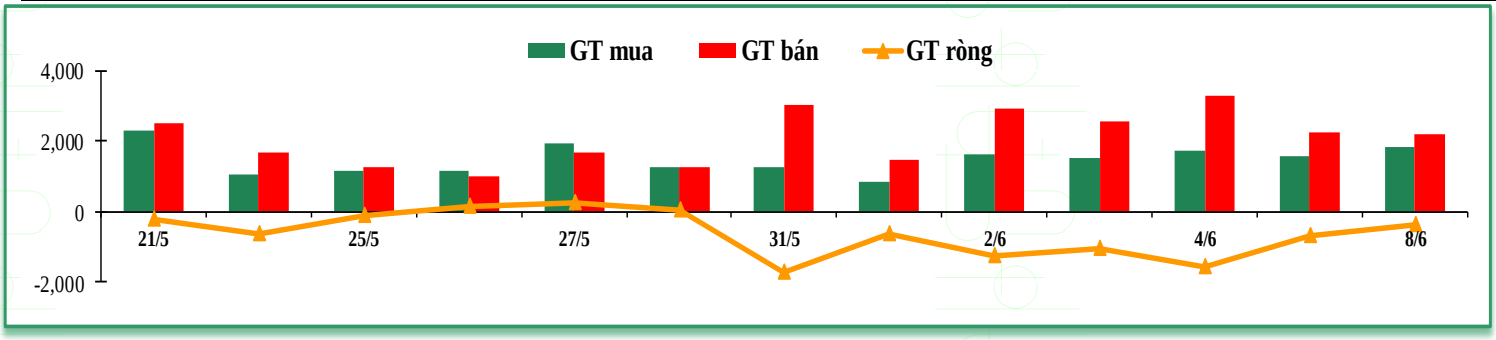

HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	31.7	139.7	-5.1%
PLX	54.7	139.5	-3.4%
NVL	136.0	124.3	-1.9%
HPG	50.0	115.0	-5.1%
FPT	80.8	114.5	-2.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	50.0	319.3	-5.1%
DXG	25.9	236.2	-6.8%
VNM	89.7	217.5	0.3%
VIC	119.8	200.4	-2.6%
NVL	136.0	185.7	-1.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	54.7	133.8	-3.4%
VRE	31.7	106.5	-5.1%
OCB	29.6	90.9	-6.8%
SSI	44.0	60.1	-6.7%
CTG	49.0	42.0	-5.8%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	52.4	9.5	-8.1%
PVS	27.0	3.0	-10.0%
PLC	26.6	2.6	-5.0%
SHB	29.0	2.6	-3.3%
THD	192.8	2.3	-1.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	52.4	16.0	-8.1%
PVS	27.0	3.0	-10.0%
SHS	34.1	2.3	-9.1%
PAN	26.3	0.9	-7.4%
PVI	35.6	0.8	-1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLC	26.6	2.6	-5.0%
SHB	29.0	2.3	-3.3%
THD	192.8	2.3	-1.7%
PAN	26.3	0.9	-7.4%
NSC	79.5	0.7	-0.5%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin trong nước

Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN): Thu về 15.300 tỷ lợi nhuận sau 5 tháng, tăng cao gấp 3 lần cùng kỳ năm 2020

Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN) vừa công bố tình hình sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu năm. Ghi nhận, tổng doanh thu PNV đạt hơn 227.000 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch 5 tháng và tăng 16% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn tập đoàn đạt gần 15.300 tỷ đồng, vượt 2,3 lần kế hoạch 5 tháng và tăng 3 lần so với cùng kỳ.

Trong thời gian tới, lãnh đạo Tập đoàn cho biết sẽ tiếp tục triển khai nhiều dự án lớn kéo dài, có ảnh hưởng lâu dài đến hoạt động như dự án Lô B, Cá Voi Xanh, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Thái Bình 2, Nhơn Trạch 3 và 4, nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất…

'Tắc nghẽn' đầu tư công làm giảm động lực tăng trưởng kinh tế

Tỷ lệ giải ngân đầu tư công trên toàn quốc trong 5 tháng ước đạt hơn 102.029 tỷ đồng, bằng hơn 22% với kế hoạch Thủ tướng giao.

Làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 xuất hiện ở 39 địa phương là một trong những nguyên nhân khiến tỷ lệ giải ngân đầu tư công chưa cao.

Thêm nữa, giá cả vật liệu thời gian gần đây cũng tăng cao đột biến, đặc biệt thép xây dựng có thời điểm đã tăng hơn 40% làm ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực và tiến độ thi công của nhà thầu.

Bộ Tài chính yêu cầu rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn giữa những dự án chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn.

Giá thép trong nước đồng loạt giảm so với tuần trước

Giá thép tại miền Bắc

Về thương hiệu thép Hòa Phát ở thị trường miền Bắc ngày 8/6, giá các sản phẩm của hãng đã giảm so với tuần trước, với thép cuộn CB240 ở mức 17.200 đồng/kg giảm 6,2% so với mức giá 18.270 đồng/kg của tuần trước. Thép D10 CB300 có giá 17.100 đồng/kg so với 17.810 đồng/kg của tuần trước (giảm 4,6%). Thép xây dựng của Hòa Phát được nhiều người tiêu dùng lựa chọn. Thương hiệu này chiếm 31,9% thị phần của cả nước trong quý I/2020.

Giá thép tại miền Trung

Tại thị trường miền Trung, thương hiệu thép xây dựng Hòa Phát đã có thông báo giảm mạnh trong hai ngày đầu tuần, thép cuộn CB240 ở mức 17.610 đồng/kg; thép thanh vằn D10 CB300 có giá là 17.310 đồng/kg. Tuần trước, giá CB240 ổn định ở mức 18.060 đồng/kg.

Giá thép tại miền Nam

Thép cuộn CB240 của Hòa Phát giảm 900 đồng/kg xuống mức 17.200 đồng/kg so với giá cao nhất của tuần trước; thép thanh vằn D10 CB300 có giá 17.050 đồng/kg với với 17.650 đồng/kg tuần trước.

Về thép Pomina, giá thép cuộn CB240 ở mức 17.200 đồng/kg với với mức 17.560 đồng/kg tuần trước. Thép thanh vằn D10 CB300 hiện có giá 16.750 đồng/kg với 17.710 đồng/kg so với giá cao nhất tuần trước.

Nguồn: NDH, Cafef

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Đất Xanh muốn phát hành 200 triệu cổ phiếu riêng lẻ, tỷ lệ hơn 38,5%

Tập đoàn Đất Xanh (HoSE: DXG) dự kiến họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 vào ngày 26/6 tới đây. HĐQT trình cổ đông phương án phát hành 200 triệu cổ phiếu riêng lẻ, chiếm 38,59% số lượng đang lưu hành. Đồng thời, HĐQT cũng trình phát hành 7 triệu cổ phiếu cho người lao động (ESOP), chiếm 1,35% lượng cổ phiếu lưu hành. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành khoảng 7.270 tỷ đồng.

Kế hoạch năm nay, HĐQT trình mục tiêu doanh thu thuần 9.000 tỷ đồng, gấp 3 lần thực hiện năm trước. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 1.350 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 496 tỷ đồng. Cổ tức dự kiến 20%/mệnh giá.

Chiến lược trung hạn 5 năm tới, Đất Xanh muốn có quỹ đất khu công nghiệp 500 - 1.000 ha.

Cao su Đồng Phú (DPR) lên kế hoạch thâu tóm Cao su Đồng Phú - Đắk Nông (DPD)

Ngày 29/6 tới đây, CTCP Cao su Đồng Phú (MCK: DPR) sẽ tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 tại tỉnh Bình Phước.

Theo tài liệu mới được công bố, bước sang năm 2021, Cao su Đồng Phú đặt mục tiêu tổng doanh thu hơn 1.075 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng gần 30% so với thực hiện năm trước. Lợi nhuận trước thuế kỳ vọng đạt 420 tỷ đồng, gấp 2,15 lần mức lãi năm 2020.

Đáng chú ý, DPR sẽ trình đại hội thông qua về kế hoạch sáp nhập CTCP Cao su Đồng Phú - Đăk Nông (MCK: DPD), từ đó chuyển đổi DPD trở thành Nông trường Cao su Đắk Nông hoặc chuyển đổi theo hình thức khác (nếu có).

VEAM Corp: Chỉ tiêu lợi nhuận giảm 19% xuống còn 5.930 tỷ đồng, tiếp tục trình kế hoạch niêm yết

Tại Đại hội năm nay, VEA tiếp tục trình phương án niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX hoặc HoSE và đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan khi đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM Corp, VEA) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021, dự trình kế hoạch doanh thu thuần công ty mẹ ở mức 1.116 tỷ đồng, tăng 151% so với thực hiện năm 2020.

Trở lại với kế hoạch 2021, khấu trừ chi phí, VEA kỳ vọng thu về 5.930 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế công ty mẹ, giảm 19% so với kết quả năm 2020. Khoản lợi nhuận mục tiêu này chưa tính trích lập dự phòng khoản phải thu là các khoản VEA đã hỗ trợ tài chính (cho vay) đối với các đơn vị có vốn góp của công ty.

Tại Đại hội năm nay, VEA tiếp tục trình phương án niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX hoặc HoSE và đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan khi đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật. Nội dung này đã được thông qua năm 2020, tuy nhiên Công ty chưa hoàn thành được phương án này do chưa đáp ứng đầy đủ quy định.

Nguồn: NDH, Cafef

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HDG	Bán	24/05/21	42.55	41.95	1.4%	47.6	13.5%	40.3	-3.9%	Áp lực điều chỉnh gia tăng
2	DRC	Bán	03/06/21	26	26.55	-2.1%	32.6	22.8%	25.2	-5.1%	Phục hồi thất bại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TDM	Quan sát mua	09/06/21	27.6	30-31	Nến tăng tốt, vượt kháng cự 27.5 trong lúc thị trường giảm mạnh + vol cao -> tuy nến rút đầu nhưng tín hiệu vẫn tốt, khả năng có thể bắt đầu nhịp tăng mới
2	ACV	Quan sát mua	09/06/21	69.6	76-77	Hồi phục khá tốt trở lại sau tín hiệu rũ bỏ trước đó -> có cơ hội tạo đáy và hồi phục, cần đóng cửa vượt 70 để xác nhận
3	CTR	Quan sát mua	09/06/21	85.9	100-103	Nhịp điều chỉnh bám MA50 tích cực với nến, vol nhỏ dần + đang về lại hỗ trợ quanh 85 -> khả năng có thể bật tăng trở lại nếu thị trường ổn định

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Mua	28/04/21	53.5	49.9	7.2%	55	10.2%	47	-6%	
2	SSI	Nắm giữ	13/05/21	44	34.8	26.4%	52.2	50.0%	33.5	-4%	
3	PVS	Nắm giữ	19/05/21	27	21.8	23.9%	31.3	44%	20.5	-6%	
4	VHM	Mua	20/05/21	105.3	100.4	4.9%	110	10%	96.5	-4%	
5	BVH	Mua	04/06/21	57	54.9	3.8%	63	15%	53	-3%	
6	PAN	Mua	07/06/21	26.3	27	-2.6%	31	15%	25.4	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 08/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,910	-3.2%	245%	20,700	14	80,800	7,172	(1,738)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	3,800	-17.4%	153%	11,010	27	80,800	1,234	(2,566)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,700	-0.3%	270%	1,030	106	32,300	591	(3,109)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	41,200	-10.4%	623%	2,150	22	50,000	34,334	(6,866)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,200	-4.7%	681%	12,660	106	50,000	1,401	(6,799)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	27,300	-10.5%	314%	3,570	27	50,000	12,950	(14,350)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,550	-12.0%	247%	16,730	28	50,000	5,379	(8,171)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,210	-6.9%	514%	8,450	27	50,000	2,396	(6,814)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,700	-7.1%	423%	31,490	62	50,000	5,436	(10,264)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,510	-7.4%	230%	13,380	80	50,000	998	(12,512)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,710	-9.4%	339%	9,010	65	50,000	1	(5,709)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,610	-9.7%	368%	24,070	65	50,000	1	(5,609)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,760	-3.6%	135%	12,080	69	38,550	2,832	(928)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,860	-4.0%	186%	5,330	106	38,550	1,097	(1,763)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,920	-0.5%	111%	7,840	66	38,550	3,785	(2,135)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	21,000	-8.7%	357%	3,890	6	37,300	21,306	306	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	6,890	-8.0%	331%	28,290	28	37,300	5,671	(1,219)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,290	-6.8%	174%	8,360	65	37,300	304	(2,986)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,870	-2.4%	173%	3,840	106	104,000	350	(2,520)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,650	0.0%	165%	7,060	106	104,000	101	(2,549)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,200	1.6%	107%	8,310	66	104,000	2,725	(3,475)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	23,230	-3.4%	94%	690	22	136,000	20,062	(3,168)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	2,780	-2.5%	64%	93,850	2	136,000	2,801	21	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	2,600	0.0%	8%	4,530	28	136,000	1,919	(681)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,100	1.3%	103%	14,770	55	136,000	3,278	(2,822)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	1,730	-3.9%	-9%	12,930	27	136,000	771	(959)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,700	-2.3%	263%	2,370	(78)	136,000	(330)	(9,030)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,510	2.5%	53%	8,040	80	136,000	835	(3,675)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,400	-3.9%	640%	77,030	3	136,000	7,276	(124)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,200	-1.7%	420%	17,740	106	136,000	3,702	(1,498)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,100	-9.1%	182%	33,130	111	136,000	610	(2,490)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,070	-1.2%	270%	28,940	80	82,300	143	(3,927)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,500	-3.0%	309%	2,060	111	82,300	309	(4,191)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,200	-10.2%	29%	8,490	28	96,000	1,831	(369)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,100	-4.9%	155%	11,100	55	96,000	3,252	(1,848)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,300	-5.5%	48%	5,930	10	96,000	3,449	(851)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,490	-4.6%	8%	17,570	28	56,000	2,020	(470)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,580	-0.4%	135%	5,550	106	21,200	29	(2,551)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	8,960	-4.7%	715%	52,070	3	28,600	8,302	(658)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	16,500	-10.8%	334%	5,010	6	28,600	16,604	104	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	6,100	-7.7%	510%	19,220	106	28,600	3,376	(2,724)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,230	-4.9%	416%	28,800	62	28,600	5,333	(1,897)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,600	-3.6%	165%	9,260	80	28,600	5,813	(4,787)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	28,800	-8.4%	433%	9,000	52	49,500	27,567	(1,233)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,200	-3.3%	364%	22,970	119	49,500	18,716	(4,484)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,020	-8.9%	249%	28,600	28	49,500	6,780	(1,240)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,000	-6.3%	210%	25,580	62	49,500	7,065	(1,935)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,050	-2.4%	253%	12,460	80	49,500	2,091	(4,959)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,180	-6.0%	36%	14,510	69	21,900	34	(2,146)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,950	1.7%	195%	210	106	21,900	74	(2,876)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,010	-3.5%	9%	14,210	66	21,900	18	(2,992)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,800	-3.7%	50%	11,500	65	21,900	0	(1,800)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,650	0.6%	18%	69,790	3	105,300	1,643	(7)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,450	0.0%	214%	2,990	106	105,300	217	(3,233)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,960	3.9%	56%	44,550	28	105,300	1,844	(1,116)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,220	0.0%	101%	31,710	62	105,300	786	(2,434)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,800	1.1%	153%	16,930	66	105,300	349	(3,451)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,550	2.3%	173%	20,980	65	105,300	5	(3,545)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,540	-12.0%	3%	33,120	3	119,800	1,295	(245)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,100	-8.8%	210%	9,270	106	119,800	97	(3,003)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,600	2.4%	136%	17,340	111	119,800	0	(2,600)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	1,000	190	111.1%	-81%	107,820	3	117,200	305	115	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	40	0.0%	-96%	124,380	3	89,700	0	(40)	KIS	VNM	133,333	16.1	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,200	4.8%	100%	3,610	106	89,700	0	(2,200)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	710	-13.4%	-58%	25,710	28	89,700	(0)	(710)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2103	1,700	300	-14.3%	-82%	16,790	10	89,700	(0)	(300)	MBS	VNM	104,000	9.9	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,950	1.4%	99%	4,010	97	89,700	9	(2,941)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,840	2.8%	67%	28,360	111	89,700	0	(1,840)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	44,000	-3.9%	686%	2,560	52	71,500	45,579	1,579	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	16,220	-4.6%	459%	3,420	28	71,500	17,280	1,060	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	17,200	-2.8%	537%	32,150	62	71,500	17,566	366	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,520	-2.6%	241%	12,180	80	71,500	7,577	(943)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	220	-42.1%	-85%	22,280	3	31,650	0	(220)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	6,510	-8.2%	30%	21,490	52	31,650	4,235	(2,275)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,600	-7.1%	117%	4,110	106	31,650	105	(2,495)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,590	-10.2%	-12%	18,650	28	31,650	427	(1,163)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,300	-13.9%	77%	4,610	62	31,650	164	(2,136)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,400	-7.9%	13%	7,900	66	31,650	61	(3,339)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK		Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
AAA	(New)	HOSE	15,450	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
KDH	(New)	HOSE	38,550	42,300	31/05/2021	1,147	2,157	17,973	14%	8%	19.6	2.4	-
NLG	(New)	HOSE	37,500	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	31,650	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM	(New)	HOSE	105,300	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	55,500	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	29,250	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	38,500	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	34,350	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	56,000	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
GMD		HOSE	38,600	54,600	28/05/2021	541	1,794	22,180	9%	6%	12.8	1.0	0%
ANV		HOSE	26,700	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	40,500	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	34,200	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	38,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	75,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	96,400	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	25,900	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	113,800	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	96,000	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	136,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	156,800	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	104,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	89,700	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	85,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	36,900	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	136,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

VCB		HOSE	100,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	40,200	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	49,500	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,000	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	56,700	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	61,600	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	80,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	37,150	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	69,600	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	54,700	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,200	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	39,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	88,100	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	55,500	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	21,900	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	57,300	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	18,400	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,050	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	37,900	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	85,900	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,100	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

*** Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.**
**** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.**

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%
Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.
Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Phone: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Phone: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Phone: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.